

Số: 3632 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động tài trợ, hỗ trợ
của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 06 năm 2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKH-CN-BNV-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BKH-CN ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ cấp Quốc gia tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BKH-CN ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 05 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý đề tài nghiên cứu ứng dụng do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BKH-CN ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành Quy định quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc Ban hành Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020;

Quyết định số 13/2017/QĐ –UBND ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh tại Tờ trình số 06 /TTr-QKH&CN ngày 13 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động tài trợ, hỗ trợ của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quy định này gồm 4 chương và 40 điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- TTr.TU, TTr.HĐND (b/c);
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *pvx*

U. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông



BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động tài trợ, hỗ trợ của

Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3632/ QĐ-UBND

ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý hoạt động tài trợ, hỗ trợ từ nguồn vốn của Quỹ Phát triển khoa học công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Đối tượng áp dụng

a) Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, các cơ quan nhà nước và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

b) Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Quỹ* là viết tắt của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Tài trợ* là việc dùng nguồn vốn của Quỹ cấp không hoàn lại toàn phần hoặc một phần kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc đối tượng tài trợ của Quỹ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

3. *Hỗ trợ* là việc dùng nguồn vốn của Quỹ hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của tỉnh thuộc các đối tượng hỗ trợ quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. *Hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế* là hoạt động được tổ chức theo hình thức gặp gỡ trực tiếp để các nhà khoa học có quốc tịch khác nhau, làm việc tại các quốc gia khác nhau trình bày và thảo luận về các kết quả nghiên cứu chuyên sâu ở một hoặc nhiều chủ đề hay chuyên ngành khoa học.

5. *Hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành* là hội thảo khoa học quốc tế chuyên sâu về một ngành khoa học nhất định.

6. *Nhà khoa học trẻ tài năng* là cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 23 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/05/2014 của Chính phủ.

7. *Tạp chí khoa học quốc tế có uy tín* là các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở kiến nghị của các Hội đồng khoa học công nghệ.

8. *Tạp chí khoa học chuyên ngành* là tạp chí khoa học được xuất bản định kỳ, công bố các kết quả nghiên cứu chuyên sâu trong một ngành khoa học nhất định.

9. *Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ* (gọi là tổ chức chủ trì nhiệm vụ) là tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Quỹ tài trợ.

10. *Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ* (gọi là chủ nhiệm nhiệm vụ) là cá nhân trực tiếp đứng tên thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Quỹ tài trợ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ và quản lý hoạt động hỗ trợ

1. Quỹ thực hiện đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ theo các nguyên tắc sau:

a) Đánh giá thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hội đồng khoa học) bao gồm các chuyên gia cùng ngành, liên ngành do Quỹ thành lập và chuyên gia tư vấn độc lập (khi cần thiết);

b) Đánh giá dựa trên hồ sơ.

2. Quỹ tài trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức và cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh không thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và hỗ trợ các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của tỉnh không trùng lặp các nội dung đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc tổ chức, cơ quan khác tài trợ, hỗ trợ.

Quỹ tài trợ, hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ, thử nghiệm thị trường của cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Đảm bảo tính khách quan, dân chủ, bình đẳng trong việc xét duyệt các hồ sơ đăng ký tài trợ, hỗ trợ; công khai thủ tục tài trợ, hỗ trợ trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.

4. Kinh phí tài trợ, hỗ trợ hàng năm của Quỹ không vượt quá tổng mức kinh phí được phê duyệt theo kế hoạch của Quỹ.

5. Việc quản lý tài chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ thực hiện theo Quyết định số 13/2017/QĐ –UBND ngày 08/06/2017 của UBND tỉnh ban hành định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các quy định hiện hành khác có liên quan.

6. Kinh phí chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của hoạt động tài trợ và chi quản lý hoạt động hỗ trợ, lấy từ nguồn kinh phí ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh cấp và được giao dự toán cho Quỹ hàng năm để chi cho các hoạt động quản lý.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ

Điều 4. Yêu cầu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ

1. Yêu cầu chung đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ

a) Có tính cấp thiết hoặc có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trong phạm vi của tỉnh;

b) Vấn đề khoa học và công nghệ quan trọng nhằm giải quyết ngay yêu cầu khẩn cấp của tỉnh về an ninh, quốc phòng, thiên tai, dịch bệnh và phát triển khoa học và công nghệ;

c) Những vấn đề mới xuất hiện, đòi hỏi phải giải quyết kịp thời nhằm đáp ứng ngay yêu cầu của đời sống – xã hội, phục vụ lợi ích cộng đồng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất khác theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh;

d) Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với các định hướng đã được phê duyệt trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và quy hoạch, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ hoặc hoàn thiện công nghệ theo định hướng ưu tiên của tỉnh.

2. Yêu cầu đối với việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo từng lĩnh vực

a) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản: Đề tài mang tính thăm dò, khám phá, nhằm phát triển các hướng nghiên cứu đã đạt được những kết quả bước đầu, các nghiên cứu chuyên sâu đã được thực hiện tại tỉnh;

b) Đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng: Đề tài nhằm vận dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhằm tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ; đề tài phát triển, áp dụng các kết quả nghiên cứu cơ bản hoặc xác định những phương pháp, cách thức mới để giải quyết những vấn đề cụ thể phục vụ con người và xã hội;

c) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất: Là những vấn đề mới xuất hiện, đòi hỏi phải giải quyết kịp thời nhằm đáp ứng ngay yêu cầu của đời sống – xã hội, phục vụ lợi ích cộng đồng, phục vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn; có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thành. Tổ chức ứng dụng kết quả dự kiến phải có năng lực để tiếp nhận và triển khai một cách hiệu quả kết quả tạo ra;

d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng: Có tính đột phá, tiên phong, khi được nghiên cứu thành công có khả năng mở ra hướng nghiên cứu mới trong khoa học và công nghệ hoặc tạo ra sản phẩm công nghệ mới. Đối với nghiên cứu tạo ra sản phẩm công nghệ mới phải có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hoàn thành.

3. Yêu cầu đối với dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ

a) Sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng thông qua việc triển khai thực nghiệm hoặc sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện quy trình, hoàn thiện công nghệ hiện có tạo ra sản phẩm công nghệ mới ở dạng mẫu;

b) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ có xuất xứ từ kết quả nghiên cứu của đề tài nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ đã được Hội đồng khoa học đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế và giải pháp hữu ích;

c) Công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ dự kiến, bảo đảm tính ổn định ở quy mô sản xuất loạt nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất hàng loạt.

4. Yêu cầu đối với dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp

Có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới nhằm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời hạn hoạt động không quá 5 (năm) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

Điều 5. Chuyên gia đánh giá

1. Chuyên gia đánh giá là các nhà khoa học, nhà quản lý được Quỹ mời tư vấn trong các hoạt động đánh giá xét chọn, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, phải đáp ứng được các tiêu chí sau đây:

a) Chuyên gia đánh giá là nhà khoa học phải có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, có kết quả nghiên cứu được công bố trên tạp chí có uy tín hoặc có kết quả nghiên cứu được ứng dụng. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

Chuyên gia đánh giá là nhà quản lý phải hoạt động trong cùng lĩnh vực hoặc làm việc liên quan đến vấn đề nghiên cứu;

b) Có điều kiện tham gia công việc tư vấn với trách nhiệm cao, trung thực, khách quan.

2. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mời nhà khoa học nước ngoài, nhà khoa học người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm chuyên gia tư vấn độc lập hoặc tham gia Hội đồng khoa học do Quỹ thành lập để đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tư vấn về các hoạt động của Quỹ.

3. Chuyên gia đánh giá không tham gia đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ do mình đăng ký làm chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện, hoặc do tổ chức nơi mình công tác đăng ký chủ trì.

Điều 6. Hội đồng khoa học

1. Hội đồng khoa học do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ, phù hợp với tính chất từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể của Quỹ cần tư vấn.

2. Thành viên Hội đồng khoa học được lựa chọn phải đáp ứng được các tiêu chí như đối với Chuyên gia đánh giá quy định tại Điều 5 Quy định này.

3. Hội đồng khoa học hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký tài trợ

1. Hàng năm, Quỹ thông báo tài trợ, hướng dẫn về hồ sơ, điều kiện, thủ tục có liên quan và thời gian nộp hồ sơ trên Trang thông tin điện tử của Quỹ và của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh.

2. Hồ sơ đăng ký nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị Quỹ tài trợ gồm 01 bộ hồ sơ bản giấy và 01 bộ hồ sơ điện tử theo các biểu mẫu được quy định tại Phụ lục I - Các biểu mẫu tài trợ, ban hành kèm theo Quy định này, bao gồm:

a) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu 01/TT-QKHCN.DON);

b) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

(Mẫu 02a/TT-QKHCN.TMNCCB: Thuyết minh đề tài nghiên cứu cơ bản; Mẫu 02b/TT-QKHCN.TMNCUD: Thuyết minh đề tài nghiên cứu ứng dụng; Mẫu 02C/TT-TMĐXTN: Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, tiềm năng; Mẫu 02d/TT-QKHCN.TMDA: Thuyết minh dự án);

c) Lý lịch hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì (Mẫu 03/TT-QKHCN.LLTC);

d) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ và tham gia kèm các tài liệu chứng minh thành tích nghiên cứu (Mẫu 04/TT-QKHCN.LLCN);

đ) Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài);

e) Giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu thực hiện (Mẫu 05/TT-QKHCN.PHNC);

g) Danh sách thành viên thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu 06/TT-QKHCN.DSTV);

h) Phương án thuê chuyên gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu 07/TT-QKHCN.PACG);

i) Phương án trang bị và xử lý tài sản của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu 08/TT-QKHCN.XLTS);

k) Văn bản của tổ chức thụ hưởng xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu (Mẫu 09/TT-QKHCN.XNVD: Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất, tiềm năng);

l) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

m) Tài liệu khác liên quan khác theo yêu cầu của Quỹ.

2. Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Cơ quan điều hành Quỹ hoặc qua đường bưu điện (đối với hồ sơ bản giấy) và đường điện tử (đối với hồ sơ bản điện tử) theo thông báo của Quỹ.

3. Hồ sơ có đầy đủ các biểu mẫu và đáp ứng các yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này, sẽ được Quỹ tiếp nhận hồ sơ.

Điều 8. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đối với tổ chức chủ trì nhiệm vụ

a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Có điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối với chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Có trình độ từ đại học trở lên; có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp, đã hoặc đang hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Không bị hạn chế quyền công dân theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Trường hợp cá nhân không thuộc một tổ chức có đủ điều kiện quy định về tổ chức chủ trì đăng ký khoa học và công nghệ, phải được một tổ chức có đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này chấp nhận làm chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Thành viên nhóm nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn và kỹ năng phù hợp với nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ, bao gồm:

a) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học: có trình độ từ đại học trở lên, có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ hoặc có bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng;

b) Thành viên có trình độ đại học trở lên và có kết quả nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ;

c) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác.

4. Tại cùng một thời điểm, mỗi cá nhân được làm chủ nhiệm không quá 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ (trừ trường hợp là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn).

Điều 9. Yêu cầu về thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Thời gian thực hiện đề tài không quá 36 tháng và thời gian thực hiện dự án không quá 24 tháng (không kể thời gian gia hạn).

Điều 10. Đánh giá, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức việc đánh giá, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ đề nghị Quỹ tài trợ thông qua Hội đồng khoa học.

2. Hội đồng khoa học tư vấn đánh giá, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm việc theo phương thức quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

Điều 11. Tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan điều hành Quỹ chủ trì tổ chức thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hồ sơ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm có:

a) Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về việc phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với phần nội dung thực hiện;

b) Biên bản họp xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Hội đồng khoa học;

c) Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được chỉnh sửa hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng khoa học;

d) Bản giải trình của tổ chức và cá nhân trúng tuyển về việc tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng khoa học được Quỹ xác nhận;

đ) Báo giá nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị sử dụng (trong thời gian 60 ngày) tính đến thời điểm nộp hồ sơ thẩm định được sử dụng để xây dựng dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

e) Các văn bản quy định chế độ, định mức xây dựng dự toán, định mức hiện hành của nhà nước, định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ, ngành có thẩm quyền ban hành và các văn bản khác có liên quan được sử dụng để xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

g) Các hồ sơ khác có liên quan (nếu có).

3. Trách nhiệm của Cơ quan điều hành Quỹ trong việc chủ trì việc tổ chức thẩm định kinh phí

a) Hướng dẫn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hồ sơ đề xuất được đề nghị tài trợ, chuẩn bị hồ sơ thẩm định kinh phí theo quy định tại khoản 2 Điều 11 quy định này;

b) Tiếp nhận Hồ sơ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ, kiểm tra việc đáp ứng yêu cầu chung đối với hồ sơ thẩm định kinh phí;

c) Đề xuất danh sách thành viên Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Tổ thẩm định) trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt;

d) Chuẩn bị và gửi các tài liệu, hồ sơ thẩm định kinh phí và Phiếu nhận xét thẩm định kinh phí tới các thành viên Tổ thẩm định tối thiểu trước phiên họp thẩm định kinh phí 03 ngày làm việc.

đ) Tổ chức phiên họp của Tổ thẩm định;

e) Tổng hợp kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ và gửi báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ kèm theo

Phiếu nhận xét thẩm định kinh phí, Biên bản họp thẩm định kinh phí, Tờ trình của Giám đốc Quỹ trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 12. Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ thẩm định do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Tổ thẩm định có ít nhất 05 thành viên, gồm có: 01 tổ trưởng, 01 tổ phó, 01 thư ký và các thành viên khác.

2. Nhiệm vụ của thành viên Tổ thẩm định

a) Tổ trưởng là Giám đốc hoặc Phó giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ chịu trách nhiệm chung về công tác thẩm định và về kết quả thẩm định;

b) Tổ phó là Phó giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ hoặc đại diện phụ trách lĩnh vực chuyên môn hay lĩnh vực tài chính chịu trách nhiệm về nội dung công việc do Tổ trưởng Tổ thẩm định kinh phí phân công;

c) Đại diện Hội đồng khoa học đánh giá xét chọn nhiệm vụ (ưu tiên mời Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện) làm chuyên gia chịu trách nhiệm rà soát sự phù hợp nội dung của Hồ sơ thẩm định so với kết luận của Hội đồng khoa học;

d) Thư ký là cán bộ Cơ quan điều hành Quỹ, chịu trách nhiệm ghi chép đầy đủ, chính xác ý kiến của thành viên tổ thẩm định; hoàn thiện Biên bản họp thẩm định và chịu trách nhiệm về nội dung công việc được phân công thẩm định;

đ) Cán bộ Cơ quan điều hành Quỹ, chịu trách nhiệm về những nội dung công việc được phân công thẩm định;

e) Trường hợp cần thiết mời đại diện cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chuyên gia về chuyên môn và tài chính liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (ưu tiên mời đại diện của tổ chức, doanh nghiệp sẽ thụ hưởng hoặc dự kiến nhận chuyển giao kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

3. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định

a) Phiên họp Tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có: Tổ trưởng hoặc Tổ phó được Tổ trưởng ủy quyền và thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thẩm định.

Tổ trưởng tổ thẩm định chủ trì phiên họp, trong trường hợp Tổ trưởng Tổ thẩm định vắng mặt, Tổ phó Tổ thẩm định được ủy quyền chủ trì phiên họp;

b) Thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định gửi kèm ý kiến cá nhân có ký tên về đề nghị bảo lưu ý kiến của mình;

c) Việc thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải đảm bảo tính độc lập, khách quan, khoa học và công bằng.

4. Trách nhiệm của Tổ thẩm định

a) Đánh giá trung thực, khách quan và toàn diện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bảo đảm đúng quy định các chính sách, chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước

và các quy định của Quỹ. Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định;

b) Thẩm định sự phù hợp của dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ với nội dung của nhiệm vụ theo chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định kinh phí;

c) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, thời gian thực hiện và phương thức khoán chi;

d) Các thành viên Tổ thẩm định kinh phí và thư ký hành chính có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

5. Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản và đề xuất phương án xử lý những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định, trong các trường hợp sau:

a) Những thay đổi lớn về mục tiêu, nội dung và kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Không có sự thống nhất ý kiến giữa Tổ thẩm định và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ về kinh phí thực hiện;

c) Những nội dung công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải thực hiện mà chưa có nội dung, định mức chi hoặc kinh phí cần chi cao hơn định mức theo quy định hiện hành.

Điều 13. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định việc hoàn thiện nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng khoa học đề nghị tài trợ, theo các bước sau:

1. Thẩm định việc hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Hội đồng khoa học.

2. Rà soát các nội dung chi tiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo thuyết minh được phê duyệt.

a) Những nội dung nghiên cứu chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Sự phù hợp về số lượng và cơ cấu các nội dung;

b) Số lượng các nội dung nghiên cứu: Việc xác định nội dung nghiên cứu được căn cứ vào kết quả hoặc sản phẩm cuối cùng của từng nội dung nghiên cứu;

c) Sự cần thiết, số lượng, quy mô của các thử nghiệm, thí nghiệm, điều tra, khảo sát phục vụ nghiên cứu;

d) Tính khả thi của việc phân công về nội dung và khối lượng công việc giữa cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; sự đáp ứng về cơ cấu chuyên môn giữa những người thực hiện (cá nhân và tổ chức) với cơ cấu chuyên môn cần thực hiện;

đ) Tiến độ và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Tính khả thi, mức độ phù hợp về thời gian bắt đầu và kết thúc của từng nội dung so với tiến độ chung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

e) Nguyên nhiên vật liệu, thiết bị, máy móc cần mua sắm mới hoặc chế tạo: Sự cần thiết mua, chế tạo, thuê thiết bị, trong đó ưu tiên đối với thiết bị mang tính đặc thù và thiết yếu phục vụ nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

g) Phương án hợp tác quốc tế: Thẩm định sự cần thiết, sự phù hợp về số lượng đoàn ra, đoàn vào, nước đối tác, cơ quan đối tác, nội dung hợp tác, địa điểm nghiên cứu khảo sát (đề cương hợp tác, kế hoạch hợp tác, các văn bản thỏa thuận, cam kết về nội dung hợp tác...);

h) Hội thảo khoa học: Sự cần thiết, nội dung và quy mô, địa điểm Hội thảo;

i) Sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ: số lượng, chất lượng, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tính khả thi...;

k) Đối với thẩm định nhiệm vụ khoa học và công nghệ là dự án khoa học và công nghệ, dự án triển khai thực nghiệm, dự án sản xuất thử nghiệm, xem xét: Hiệu quả của nhiệm vụ, tính rõ ràng của nội dung nghiên cứu cần hoàn thiện, tính hợp lý của các bước công việc cần thực hiện;

Về phương án triển khai: tính hợp lý và khả thi của phương thức tổ chức, kế hoạch thực hiện và các điều kiện triển khai như địa điểm, trang thiết bị, nguồn nhân lực...

Phương án tiêu thụ sản phẩm, phương thức chuyển giao và tính khả thi dự án thông qua hợp đồng nguyên tắc hoặc các bản cam kết, đơn đặt hàng của các tổ chức, doanh nghiệp.

3. Thẩm định dự toán chi tiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ vào các nội dung chi tiết của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được Tổ thẩm định rà soát và thống nhất, để xác định tổng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các nội dung dự toán sau:

a) Kinh phí tiền công lao động trực tiếp (công lao động theo chức danh thực hiện nhiệm vụ, tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu và công lao động phổ thông được xác định theo từng nội dung chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ), trong đó:

- Tiền công lao động cho các chức danh thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ: Căn cứ vào số lượng, quy mô của từng nội dung nghiên cứu, thời gian tham gia phù hợp với nội dung nghiên cứu.

- Tiền công thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu: Căn cứ vào nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia, thuyết minh kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả việc thuê chuyên gia và việc thương thảo mức tiền thuê chuyên gia.

- Công lao động phổ thông: Số ngày công cần thiết để thực hiện nhiệm vụ và định mức chi phí ngày công hiện hành cho các nội dung.

- Công phân tích mẫu: Số lượng mẫu cần phân tích và đơn giá phân tích;

b) Kinh phí chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu: Căn cứ vào định mức đã ban hành và đơn giá. Trường hợp không có đơn giá thì căn cứ vào tính hợp lý của dự toán, sự giải trình của tổ chức và cá nhân trúng tuyển nhiệm vụ khoa học và công nghệ và ý kiến thống nhất của các thành viên Tổ thẩm định.

c) Kinh phí chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp của nhiệm vụ (không sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ để mua thiết bị văn phòng).

- Kinh phí chi khấu hao tài sản cố định: Xác định đối với cơ quan chủ trì là doanh nghiệp, căn cứ vào thời gian sử dụng (theo sổ tháng quy đổi). Đối với tổ chức khoa học và công nghệ thì xác định kinh phí bảo trì, bảo dưỡng tài sản được sử dụng trong quá trình nghiên cứu.

- Kinh phí xây dựng, sửa chữa nhỏ phòng thí nghiệm, nhà xưởng nơi triển khai nhiệm vụ: Sự cần thiết phải sửa chữa và nội dung cụ thể; tính hợp lý, kinh tế của mức chi phí cho sửa chữa; khuyến khích sử dụng kinh phí từ nguồn khác.

- Kinh phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu: Sự cần thiết, thời gian thuê và định mức thuê.

d) Chi hội thảo khoa học, chi đoàn ra, đoàn vào: Sự cần thiết, phù hợp với nội dung nhiệm vụ và mức chi.

đ) Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu theo quy định hiện hành.

g) Kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Dự toán rõ, phù hợp về chi điện, nước, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn tài liệu và kết quả báo cáo và các khoản phát sinh liên quan; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp của tổ chức chủ trì.

h) Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ: Công tác phí, in ấn, dịch tài liệu, quảng cáo sản phẩm, công bố kết quả nghiên cứu, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu và một số khoản chi khác.

4. Các thành viên Tổ thẩm định căn cứ theo quy định này chuẩn bị ý kiến đóng góp vào Phiếu nhận xét thẩm định kinh phí (theo biểu mẫu của Phụ lục III - Các biểu mẫu thẩm định kinh phí kèm theo Quy định này: Đề tài Mẫu 01/TĐKP-QKHCN.PĐT; Dự án Mẫu 02/TĐKP-QKHCN.PDA).

Điều 14. Phiên họp thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thư ký Tổ thẩm định kinh phí công bố Quyết định thành lập Tổ thẩm định của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, báo cáo tình trạng hồ sơ thẩm định.

2. Tổ trưởng Tổ thẩm định điều hành cuộc họp thẩm định kinh phí.

3. Chuyên gia đánh giá đại diện Hội đồng khoa học đánh giá, xét chọn: Nhận xét việc tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng khoa học trong việc chỉnh sửa hoàn thiện Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chủ nhiệm, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tổ thẩm định trao đổi, thảo luận để làm rõ về những vấn đề liên quan đến nội dung và dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các nội dung nêu tại Khoản 2 Điều 13 của Quy định này.

5. Tổ thẩm định họp thảo luận về tổng kinh phí cần thiết để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các nội dung nêu tại Khoản 3 Điều 13 Quy định này.

Thư ký hành chính giúp Tổ thẩm định hoàn thiện Biên bản thẩm định.

6. Tổ trưởng Tổ thẩm định thông qua kết quả thẩm định. Kết luận được thể hiện trong Biên bản thẩm định kinh phí (Phụ lục III - Các biểu mẫu thẩm định kinh phí kèm theo Quy định này: Đề tài Mẫu 03/TĐKP-QKHHCN.BBĐT; Dự án Mẫu 04/TĐKP-QKHHCN.BBDA).

Điều 15. Phê duyệt và công bố nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo đánh giá kết quả xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Nhận xét sự phù hợp của quá trình đánh giá xét chọn, thẩm định kinh phí và trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

2. Căn cứ báo cáo của Cơ quan điều hành Quỹ về kết quả đánh giá xét chọn, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ và khả năng tài chính của Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định phê duyệt danh mục, kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Quỹ tài trợ. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

3. Cơ quan điều hành Quỹ công bố nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ trên Trang thông tin điện tử của Quỹ và của Sở Khoa học và Công nghệ; đồng thời gửi thông báo tài trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết đến tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm được nhận tài trợ để hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo nội dung và kinh phí được phê duyệt.

Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt và gửi Cơ quan điều hành Quỹ để được xem xét, tiến hành ký kết hợp đồng làm căn cứ bố trí kế hoạch thực hiện.

4. Trong thời gian kể từ ngày có quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Quỹ tài trợ đến thời điểm ký hợp đồng thực hiện, Quỹ có quyền hủy bỏ quyết định phê duyệt tài trợ cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có giả mạo, gian lận hoặc khai báo không trung thực trong hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Vi phạm các yêu cầu đối với đối với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ;

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước;

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hợp đồng theo yêu cầu;

Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm có quyết định bị hủy bỏ phải chịu các hình thức xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 16. Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành trao đổi, thống nhất ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi là Hợp đồng) với tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Quyết định tài trợ đã được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Hợp đồng được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục I - Các biểu mẫu tài trợ ban hành kèm theo Quy định này (Mẫu 10/TT-QKHCN.HĐ).

Trường hợp cần thiết, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế đối với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước khi ký kết hợp đồng.

2. Trong thời gian 03 tháng kể từ thời điểm Cơ quan điều hành Quỹ gửi Thông báo tài trợ, nếu chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì không hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định hủy bỏ việc tài trợ đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ này.

3. Hợp đồng là căn cứ pháp lý trong quá trình thực hiện, kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ và giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được phê duyệt và các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện (nếu có) là bộ phận không tách rời của hợp đồng.

4. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu dự kiến có thay đổi trong nội dung Hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 17. Báo cáo và đánh giá định kỳ

1. Căn cứ tiến độ, nội dung công việc ghi trong hợp đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì lập Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục I - Các biểu mẫu tài trợ ban hành kèm theo Quy định này (Mẫu 11/TT-QKHCN.BCĐK), gửi Cơ quan điều hành Quỹ theo quy định.

2. Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức đánh giá định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp chậm tiến độ hoặc các trường hợp cần thiết khác Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra thực tế tình hình thực hiện nhiệm vụ.

Kết quả kiểm tra được ghi nhận bằng biên bản có xác nhận của các bên liên quan.

3. Kết quả đánh giá định kỳ và kiểm tra thực tế được thông báo tới chủ nhiệm nhiệm vụ và là căn cứ để quyết định việc tiếp tục thực hiện hợp đồng. Đối với nhiệm

vụ khoa học và công nghệ vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, Quỹ xem xét mức độ vi phạm để xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 18. Các nội dung điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Việc điều chỉnh do Quỹ xem xét, quyết định trên cơ sở tư vấn của Hội đồng khoa học hoặc Chuyên gia tư vấn độc lập;

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh.

2. Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có quyền đề nghị điều chỉnh kinh phí thực hiện. Việc điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

3. Thay đổi tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Việc thay đổi tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, giải thể tổ chức chủ trì hoặc tổ chức chủ trì không đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này;

b) Tổ chức chủ trì mới phải đáp ứng được các yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 8 Quy định này. Tổ chức chủ trì hiện tại, tổ chức chủ trì mới và chủ nhiệm nhiệm vụ đề nghị bằng văn bản để Quỹ xem xét, quyết định.

4. Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ khi tổ chức chủ trì có văn bản gửi Quỹ và thuộc một trong các trường hợp:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn (trên 06 tháng liên tục);

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm hoặc xác nhận của cơ quan y tế);

c) Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong hoặc mất tích trên 06 tháng;

d) Chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục công việc được giao;

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo Hợp đồng đã ký mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác;

e) Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 2 Điều 8 của Quy định này.

5. Điều chỉnh nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ phải có văn bản báo cáo Quỹ. Trên cơ sở đó Quỹ xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung đối với từng trường

hợp cụ thể. Trường hợp cần thiết Quỹ lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học hoặc Chuyên gia tư vấn độc lập.

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh nhưng không làm thay đổi mục tiêu, thời gian, kết quả nghiên cứu và tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

6. Điều chỉnh thời gian thực hiện

a) Mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ chỉ được gia hạn 01 lần: thời gian gia hạn không quá 12 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian dưới 24 tháng.

b) Thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ chỉ được xem xét trước khi kết thúc Hợp đồng 01 tháng;

c) Thời gian thực hiện được rút ngắn Quỹ xem xét khi tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung nhiệm vụ và có đủ sản phẩm khoa học theo Hợp đồng.

7. Điều chỉnh mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, sửa chữa mua sắm tài sản cố định

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng: Tổ chức chủ trì được chủ động quyết định điều chỉnh kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu mua bằng ngân sách nhà nước, kế hoạch sửa chữa, mua sắm tài sản và không làm tăng tổng kinh phí chi cho mục nguyên nhiên vật liệu đã được phê duyệt.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần: Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản giải trình với Quỹ về việc điều chỉnh mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, sửa chữa mua sắm tài sản cố định không khoán chi trong nhiệm vụ. Quỹ xem xét kế hoạch mua sắm và dự toán về số lượng, khối lượng, chủng loại vật tư, nguyên, nhiên vật liệu, thiết bị, máy móc mua bằng ngân sách nhà nước.

8. Điều chỉnh bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu

a) Trường hợp bổ sung, thay thế thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học phải có sự đồng ý của Quỹ bằng văn bản. Thành viên tham gia nghiên cứu chính, thư ký khoa học phải đáp ứng yêu cầu tại khoản 3 Điều 8 Quy định này.

b) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ được chủ động thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu (không phải là thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học). Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế và đáp ứng yêu cầu tại Khoản 3 Điều 8 Quy định này.

9. Điều chỉnh đoàn ra

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo phương thức khoán chi từng phần trường hợp điều chỉnh nước đến, số lượng người tham gia, kinh phí tổ chức đoàn ra phải có ý kiến bằng văn bản của Quỹ;

b) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh thời điểm và thời gian tổ chức đoàn ra cho phù hợp với thực tế.

10. Các trường hợp khác, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ đề xuất bằng văn bản, Quỹ xem xét quyết định.

Điều 19. Thẩm quyền điều chỉnh và trình tự, thủ tục điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phương án điều chỉnh đối với các trường hợp điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm, tổng kinh phí, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

Đối với các điều chỉnh do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định, Cơ quan điều hành Quỹ căn cứ hồ sơ điều chỉnh, chuẩn phương án và trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định.

2. Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ xem xét, quyết định việc điều chỉnh thời gian thực hiện, nội dung thực hiện, thành viên nghiên cứu, đoàn ra, kế hoạch đấu thầu mua sắm nguyên vật liệu, thiết bị của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ khoán chi từng phần, kinh phí không khoán chi, trên cơ sở đảm bảo mục tiêu sản phẩm đề ra và không làm thay đổi tổng kinh phí thực hiện của nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

3. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh bao gồm: Đơn đề nghị thay đổi nội dung Hợp đồng của chủ nhiệm nhiệm vụ kèm theo công văn đề nghị của tổ chức chủ trì theo mẫu quy định tại Phụ lục I - Các biểu mẫu tài trợ ban hành kèm theo Quy định này (Mẫu 12/TT-QKHCN.BCĐK) và tài liệu khác liên quan (nếu có);

4. Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, Quỹ ban hành quyết định điều chỉnh hoặc gửi công văn trả lời tới tổ chức chủ trì nhiệm vụ nêu rõ lý do không điều chỉnh.

5. Các văn bản điều chỉnh (nếu có) là thành phần của Hợp đồng đã ký.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Hợp đồng được chấm dứt thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có căn cứ khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

b) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc vi phạm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 4 Điều 15 Quy định này;

c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ không nộp hồ sơ để đánh giá nghiệm thu theo quy định.

2. Thông báo chấm dứt Hợp đồng

a) Trường hợp tổ chức chủ trì nhiệm vụ chủ động đề nghị chấm dứt Hợp đồng: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ gửi đề nghị chấm dứt Hợp đồng tới Quỹ, bao gồm Công văn giải trình về việc chấm dứt Hợp đồng và báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Nội dung, sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành, đang triển khai và chưa triển khai; tình hình sử dụng, thanh quyết toán kinh phí).

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận được đề nghị hợp lệ của tổ chức chủ trì, Cơ quan điều hành Quỹ xem xét và thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì.

b) Trường hợp Quỹ đề nghị chấm dứt Hợp đồng: Cơ quan điều hành Quỹ gửi thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong trường hợp này, tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm phải xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ và gửi đến Quỹ;

c) Kể từ ngày nhận được thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì phải ngưng mọi hoạt động liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Kiểm tra và quyết định chấm dứt hợp đồng

a) Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trạng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định;

b) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý. Trong quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm từ kinh phí Quỹ tài trợ.

4. Trên cơ sở của quyết định chấm dứt Hợp đồng, Cơ quan điều hành Quỹ tiến hành thanh lý hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

5. Trong trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo các trường hợp quy định tại Điều b và c Khoản 1 Điều này, chủ nhiệm nhiệm vụ không được đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ mới trong thời gian 02 năm kể từ ngày ban hành Quyết định chấm dứt Hợp đồng.

Điều 21. Báo cáo và hồ sơ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục I - Các biểu mẫu tài trợ ban hành kèm theo Quy định này (Mẫu 13/TT-QKHCN.BCTH);

b) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí (kèm theo Mẫu 13/TT-QKHCN.BCKP);

c) Tài liệu chứng minh về sản phẩm của nhiệm vụ được công bố trên tạp chí khoa học, tạp chí chuyên ngành, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, bảo hộ

giống cây trồng (trường hợp chưa được cấp bằng phải có thông báo chấp nhận đơn hợp lệ và kết quả tra cứu khả năng bảo hộ) và các sản phẩm khoa học khác (nếu có).

2. Hồ sơ đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ gồm 01 bộ hồ sơ bản gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 01 bộ bản điện tử theo các biểu mẫu được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này bao gồm:

a) Văn bản đề nghị đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mẫu quy định tại Phụ lục I - Các biểu mẫu tài trợ ban hành kèm theo Quy định này (Mẫu 14/TT-QKHCN.VBDG);

b) Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Hợp đồng kèm theo thuyết minh đã được phê duyệt;

d) Các văn bản điều chỉnh trong quá trình thực hiện hợp đồng và các văn bản liên quan (nếu có).

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng và gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tới Cơ quan điều hành Quỹ trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm hợp đồng (tính cả thời gian gia hạn hợp đồng nếu có).

4. Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành sớm hơn so với thời gian quy định trong hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ gửi văn bản đề nghị và Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này để Quỹ xem xét tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện trước thời hạn.

5. Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo hợp đồng, chậm nhất 60 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ phải báo cáo bằng văn bản, giải trình lý do và kiến nghị về việc gia hạn thực hiện nhiệm vụ gửi Cơ quan điều hành Quỹ kèm theo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đến thời điểm đề nghị gia hạn thực hiện Hợp đồng.

Điều 22. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan điều hành Quỹ chuẩn bị hồ sơ đánh giá theo quy định của Quỹ và tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua Hội đồng khoa học. Hội đồng khoa học đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm việc theo phương thức quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng khoa học do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành.

2. Nội dung đánh giá kết quả thực hiện và yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ vận dụng theo Điều 11 Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định về Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Căn cứ đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Hội đồng khoa học, Cơ quan điều hành Quỹ lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa

học và công nghệ và trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

Điều 23. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng khoa học đánh giá kết quả thực hiện “đạt”, trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được kết quả đánh giá, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm đăng ký lưu trữ kết quả thực hiện theo quy định hiện hành và nộp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ về Cơ quan điều hành Quỹ.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp hồ sơ công nhận kết quả theo quy định trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá ở mức “không đạt” hoặc bị đình chỉ hợp đồng thì được xử lý theo quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Việc công bố và bàn giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 24. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ, Quỹ gửi Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tới tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là căn cứ để tiến hành thủ tục thanh, quyết toán tài chính và thanh lý Hợp đồng.

3. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên nhóm nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ được công nhận về thành tích nghiên cứu tương đương với thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Điều 25. Quyết toán kinh phí

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyết toán một lần sau khi được hoàn thành và các bên đã tiến hành thanh lý hợp đồng. Hàng năm, tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Quỹ về tổng kinh phí thực nhận và thực chi trong năm (kèm theo báo cáo giữa kỳ).

2. Việc quyết toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trong thời gian 06 tháng kể từ ngày kết thúc nhiệm vụ theo quyết định phê duyệt nhiệm vụ và hợp đồng đã ký kết.

3. Căn cứ để xét duyệt quyết toán nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt nhiệm vụ; Hợp đồng; Biên bản họp Hội đồng khoa học đánh giá kết quả, nghiệm thu nhiệm vụ; Biên bản thanh lý hợp đồng; hồ sơ, chứng từ chi đối với phần kinh phí khoán một phần, không được khoán; quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 26. Xử lý tài chính khi kết thúc nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ hoàn thành, nghiệm thu “đạt”: Quyết toán 100% kinh phí được duyệt

2. Nhiệm vụ hoàn thành, nghiệm thu “không đạt”:

a) Kinh phí chưa sử dụng: Nộp trả toàn bộ

b) Kinh phí đã sử dụng:

- Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn và các trường hợp khách quan khác): không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng.

- Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hoàn trả số kinh phí tài trợ đã sử dụng đúng quy định: tối thiểu 30% tổng kinh phí tài trợ đã sử dụng đúng quy định (đối với nhiệm vụ thực hiện phương thức khoán chỉ từng phần, không khoán chi).

- Đối với trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định: nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.

c) Thời gian hoàn trả: Tối đa là 60 ngày sau khi có Quyết định.

Điều 27. Quản lý tài sản hình thành của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tài sản hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ được quản lý, xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 28. Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện chủ sở hữu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ làm đơn vị thụ lý hồ sơ đề nghị giao quyền đối với kết quả nghiên cứu do Quỹ tài trợ.

3. Trình tự, thủ tục giao quyền sử dụng kết quả nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ nguồn kinh phí tài trợ của Quỹ thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ, chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ

1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ

a) Hỗ trợ và tạo điều kiện để chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn thiện hồ sơ đề nghị tài trợ; cùng chủ nhiệm nhiệm vụ ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ với Cơ quan điều hành Quỹ;

b) Tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục; cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn nhân lực theo hợp đồng để nhóm nghiên cứu triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ một cách hiệu quả;

c) Tiếp nhận, hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ trong việc quản lý sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí được Quỹ tài trợ theo quy định; xác nhận tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí, đảm bảo hồ sơ chứng từ trước Quỹ và các cơ quan chức năng của Nhà nước;

d) Cung cấp đầy đủ thông tin cho Quỹ và các cơ quan khác có liên quan trong việc giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ;

đ) Cùng với chủ nhiệm nhiệm vụ chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

e) Thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu theo quy định;

g) Thực hiện việc công bố, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ theo quy định; tổ chức quản lý, khai thác kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và được hưởng các quyền lợi từ các hoạt động này theo quy định.

h) Tổ chức chủ trì vi phạm quy định tại Khoản 1 của Điều này không được đăng ký làm tổ chức chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ trong vòng 01 năm tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hợp đồng đã được ký kết;

b) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả theo nội dung của hợp đồng; thực hiện thanh, quyết toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành;

c) Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Hợp đồng đã ký. Thực hiện báo cáo về tình hình nghiên cứu, tình hình sử dụng kinh phí, kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Quỹ.

d) Phối hợp với tổ chức chủ trì nhiệm vụ thực hiện đăng ký lưu trữ kết quả nghiên cứu theo quy định.

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên nghiên cứu chịu trách nhiệm về nội dung công bố kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

3. Các thành viên tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nội dung theo hợp đồng, theo sự phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ và các quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, của tổ chức chủ trì, chịu trách nhiệm về kết quả nội dung tham gia thực hiện.

CHƯƠNG III QUY ĐỊNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ

Điều 30. Tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại tỉnh

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ

Quỹ xem xét, hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại tỉnh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại tỉnh được tổ chức bởi các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực, có trang tin điện tử giới thiệu về hội thảo;

b) Có các nhà khoa học trong nước và nước ngoài có kết quả nghiên cứu công bố trên tạp chí khoa học trong nước hoặc trên các tạp chí quốc tế có uy tín trong lĩnh vực đăng ký tham dự và trình bày báo cáo khoa học tại hội thảo;

c) Được cơ quan khoa học và công nghệ và các tổ chức nghề nghiệp uy tín trong lĩnh vực bảo trợ;

d) Phù hợp với lĩnh vực hoạt động của đơn vị tổ chức.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ

a) Chất lượng hội thảo: đánh giá dựa trên việc tổ chức hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội thảo trước đó);

b) Ý nghĩa của hội thảo đối với lĩnh vực nghiên cứu tại tỉnh;

c) Thành tích nghiên cứu của các nhà khoa học nước ngoài đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo;

d) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Một phần chi phí tổ chức: hội trường, chi báo cáo tham luận tại hội thảo, in ấn tài liệu, kỷ yếu hội thảo, một số khoản chi khác;

b) Chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi) và chi phí ăn, ở của chuyên gia, nhà khoa học trong nước, nước ngoài được mời tham dự và trình bày báo cáo tại hội thảo trong thời gian tổ chức hội thảo.

4. Hồ sơ đăng ký

Theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II – Các biểu mẫu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này, gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức chủ trì tổ chức hội thảo (Mẫu 01/HT1-QKH-CN.DON).

b) Quyết định cho phép tổ chức hội thảo của cấp có thẩm quyền;

c) Dự toán kinh phí tổ chức hội thảo, trong đó có dự toán chi tiết chi phí đề nghị Quỹ hỗ trợ (Mẫu 02/HT1-QKH-CN.KP);

d) Danh sách các nhà khoa học đăng ký tham gia hội thảo;

đ) Lý lịch khoa học và báo cáo khoa học của các nhà khoa học nước ngoài đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham gia hội thảo.

5. Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là hai (02) tháng trước ngày khai mạc hội thảo.

Điều 31. Tham dự và báo cáo khoa học (oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế

Quỹ xem xét, hỗ trợ cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế; tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo khoa học trong nước và quốc tế chuyên ngành.

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ

a) Đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh, đề nghị Quỹ hỗ trợ kinh phí tham dự hội thảo khoa học trong nước và quốc tế: Có kết quả hoặc công trình nghiên cứu khoa học được chấp nhận (dưới dạng oral presentation) tại hội thảo khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế;

b) Đối với nhà khoa học trẻ đề nghị hỗ trợ tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế: Không quá 35 tuổi tại thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo, có báo cáo tham luận được chấp nhận (dưới dạng oral presentation) tại hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế do các tổ chức có uy tín trong lĩnh vực tổ chức.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng hội nghị, hội thảo: đánh giá trên việc tổ chức hội nghị, hội thảo (đơn vị tổ chức, ban tổ chức, ban chương trình, nhà khoa học tham gia), uy tín của hội nghị, hội thảo (chất lượng các lần tổ chức hội nghị, hội thảo trước đó, chỉ số ảnh hưởng - nếu có);

b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị hỗ trợ;

c) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ:

a) Quỹ hỗ trợ cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế: một (01) vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam (đối với bay quốc tế) hoặc sân bay gần nơi cư trú của cá nhân đến nơi tổ chức hội nghị, hội thảo và chi phí đi lại ở hai đầu sân bay; chi phí ăn, ở trong thời gian tham dự hội nghị, hội thảo (không kể ngày đi về) và phí tham dự hội nghị, hội thảo theo quy định của ban tổ chức (nếu có);

b) Thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh tham dự hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế không dưới 18 tháng (tính theo các thời điểm khai mạc hội nghị, hội thảo). Đối với nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập của tỉnh, thời gian giữa hai lần hỗ trợ liên tiếp của Quỹ không dưới 12 tháng.

4. Hồ sơ đăng ký

Theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II - Các mẫu biểu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này, gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức chủ trì (Mẫu 01/HT2-QKHCHN.ĐƠN);

b) Thư mời tham dự của đơn vị tổ chức hội nghị, hội thảo;

c) Báo cáo khoa học hoặc bài tham luận được chấp nhận trình bày hoặc đăng trong kỷ yếu của hội nghị, hội thảo;

d) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu 01/HT-QKH-CN.LL);

đ) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);

e) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được ban tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc các tổ chức khác cam kết tài trợ (nếu có) - (Mẫu 02/HT2-QKH-CN.KP).

5. Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất hai (02) tháng trước ngày khai mạc hội nghị, hội thảo.

Điều 32. Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của các nhà khoa học và nghiên cứu sinh tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ việc thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Được tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài hoặc nhà khoa học nước ngoài có kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín trong thời gian năm (05) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mời thực tập, nghiên cứu;

b) Thuộc một trong các trường hợp sau:

- Đang thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tỉnh hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ. Việc thực tập, nghiên cứu nhằm giải quyết các vấn đề nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà điều kiện của tỉnh hoặc trong nước không thực hiện được;

- Tham gia chương trình hợp tác khoa học của tỉnh và các tổ chức nước ngoài nhằm nâng cao năng lực và khả năng hợp tác nghiên cứu giữa nhà khoa học Việt Nam và quốc tế;

- Là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đăng ký thực hiện nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài trong lĩnh vực được tỉnh ưu tiên phát triển tại thời điểm đăng ký.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;

b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị tài trợ;

c) Thành tích nghiên cứu của nhà khoa học đối tác nước ngoài; sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài;

d) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ:

Quỹ hỗ trợ cá nhân nhà khoa học đi thực tập, nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) ở nước ngoài một vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông từ Việt Nam đến đơn vị

chủ trì nghiên cứu, chi phí đi lại ở hai đầu sân bay và một phần sinh hoạt phí trong thời gian ở nước ngoài.

4. Hồ sơ đăng ký

Theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II Các biểu mẫu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này, gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi công tác (Mẫu 01/HT3-QKH-CN.DON);

b) Thư giới thiệu của nhà khoa học (Mẫu 02/HT3-QKH-CN.GT); (Nhà khoa học viết thư giới thiệu phải cùng chuyên môn với người đề nghị hỗ trợ và có kết quả nghiên cứu chuyên ngành phù hợp được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín);

c) Thư mời hợp tác nghiên cứu của tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài hoặc thư chấp nhận hướng dẫn nghiên cứu của nhà khoa học nước ngoài có cùng chuyên ngành khoa học trong đó nêu rõ địa điểm, thời gian, nội dung thực tập, nghiên cứu và trách nhiệm chi trả các khoản kinh phí liên quan;

d) Thuyết minh đề cương nghiên cứu tại tổ chức khoa học và công nghệ đối tác nước ngoài (làm rõ mục tiêu, ý nghĩa, sự cần thiết của chuyến thực tập nghiên cứu, nội dung, phương pháp, kế hoạch nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được) được nhà khoa học đối tác nước ngoài chấp thuận;

đ) Lý lịch khoa học của người nộp đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu 01/HT-QKH-CN.LL);

e) Dự toán kinh phí đề nghị Quỹ hỗ trợ, trong đó nêu rõ các khoản chi phí được phía nước ngoài cam kết tài trợ (nếu có) - (Mẫu 03/HT3-QKH-CN.KP).

5. Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất là ba (03) tháng trước ngày dự kiến bắt đầu thực hiện nghiên cứu ở nước ngoài.

Điều 33. Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế có uy tín

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Kết quả nghiên cứu được Quỹ xem xét, hỗ trợ công bố cần đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Là kết quả của nghiên cứu được thực hiện tại tỉnh;

b) Tác giả kết quả nghiên cứu chỉ rõ các nội dung trong công bố có liên quan đến các vấn đề đạo đức, an ninh, chính trị, chủ quyền, bí mật Nhà nước (nếu có) và cam kết công bố không vi phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề này.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ: Chất lượng của tạp chí đăng tải công trình khoa học.

3. Nội dung hỗ trợ:

a) Công bố kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện tại tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ: Quỹ hỗ trợ phí đăng tải kết quả nghiên cứu;

b) Trường hợp công bố kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ do cá nhân nhà khoa học tự thực hiện không sử dụng ngân sách nhà nước: Quỹ hỗ trợ một phần công lao động hoàn thiện kết quả nghiên cứu, viết bài gửi đăng tạp chí và phí đăng tải kết quả nghiên cứu. Quỹ ưu tiên hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II Các mẫu biểu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này, gồm có:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu 01/HT4-QKHCN.ĐON);
- b) Lý lịch khoa học của tác giả (Mẫu 01/HT-QKHCN.LL);
- c) Các tài liệu chứng minh tác giả là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập (nếu có);
- d) Bản sao công trình khoa học đã công bố;
- đ) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí công bố công trình khoa học.

5. Thời gian nộp hồ sơ: tối đa sáu (06) tháng tính từ thời điểm công bố được ghi trên công trình.

Điều 34. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài.

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

Quỹ xem xét, hỗ trợ các trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Nhận hiệu hàng hóa, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng là kết quả nghiên cứu tại tỉnh;
- b) Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hóa, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền;

c) Quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn thuộc về tổ chức, cá nhân tại tỉnh.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ: Ý nghĩa, khả năng ứng dụng.

3. Nội dung hỗ trợ

Quỹ hỗ trợ một lần phí đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, giống cây trồng trong nước và nước ngoài.

4. Hồ sơ đăng ký

Theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II Các mẫu biểu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này, gồm có:

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo mẫu (Mẫu 01/HT5-QKHCN.ĐON);
- b) Bản sao công trình khoa học đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;
- c) Thuyết minh nêu rõ ý nghĩa, khả năng ứng dụng của sáng chế.

d) Bản sao văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền;

đ) Lý lịch khoa học của các tác giả (Mẫu 01/HT-QKHCN.LL);

e) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí đăng ký lần đầu quyền sở hữu trí tuệ.

5. Thời gian nộp hồ sơ: tối đa một (01) năm kể từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 35. Xuất bản công trình khoa học và công nghệ có giá trị cao về khoa học và thực tiễn là kết quả của đề tài, dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

a) Công trình khoa học và công nghệ có giá trị cao về khoa học và thực tiễn được Quỹ xem xét hỗ trợ là kết quả của các đề tài, dự án do Quỹ và nguồn ngân sách khác của Nhà nước tài trợ được thực hiện tại tỉnh;

b) Dự toán kinh phí hợp lý.

2. Nội dung hỗ trợ: Chi phí in ấn, xuất bản sách chuyên khảo.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II Các mẫu biểu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này, gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu 01/HT6-QKHCN.ĐƠN);

b) Lý lịch khoa học của các tác giả (Mẫu 01/HT-QKHCN.LL);

c) Bản thảo công trình khoa học;

d) Các chứng từ hợp pháp chi trả phí xuất bản công trình khoa học (nếu đã chi trả).

4. Thời gian nộp hồ sơ: Theo nhu cầu của cá nhân, tổ chức đăng ký đề nghị hỗ trợ.

Điều 36. Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ

1. Điều kiện xem xét hỗ trợ:

a) Nhà khoa học trẻ tài năng tại tỉnh không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

b) Có nhu cầu sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ có ý nghĩa và thiết thực tại tỉnh.

2. Tiêu chí xem xét hỗ trợ:

a) Chất lượng của thuyết minh đề cương nghiên cứu;

b) Thành tích nghiên cứu của người đề nghị hỗ trợ;

c) Sự phù hợp chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất của phòng thí nghiệm được đề nghị hỗ trợ sử dụng;

d) Dự toán kinh phí hợp lý.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Quỹ hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại phòng thí nghiệm trong thời gian tối đa hai (02) năm, bao gồm:

b) Chi phí vận hành máy móc, thiết bị (bao gồm cả chi phí nhân công) tại phòng thí nghiệm được lãnh đạo đơn vị chủ quản phòng thí nghiệm phê duyệt;

c) Kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng trong quá trình thực hiện thí nghiệm; kinh phí thuê các dịch vụ được cung cấp bởi phòng thí nghiệm.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục II - Các mẫu biểu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này, gồm có:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu 01/HT7-QKHCN.DON);

b) Lý lịch khoa học của người đề nghị hỗ trợ (Mẫu 01/HT-QKHCN.LL);

c) Các tài liệu chứng minh là nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

d) Thuyết minh nêu rõ ý nghĩa, sự cần thiết sử dụng phòng thí nghiệm, mục tiêu, nội dung, phương pháp và kế hoạch nghiên cứu, dự kiến kết quả đạt được;

đ) Dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ (Mẫu 02/HT7-QKHCN.KP).

5. Thời gian nộp hồ sơ: chậm nhất ba (03) tháng trước ngày dự kiến sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác.

Điều 37. Xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Căn cứ các quy định trong Quy định này, sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân gửi tới Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức xem xét, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Cơ quan điều hành Quỹ không xem xét các hồ sơ không đầy đủ hoặc không đáp ứng quy định về thời hạn nộp hồ sơ hoặc thuộc các trường hợp nêu tại Khoản 2 Điều 38 Quy định này.

Đối với các trường hợp sau đây, nếu hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan điều hành Quỹ lấy ý kiến nhận xét phân biện của ít nhất hai (02) chuyên gia đánh giá:

a) Thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài;

b) Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước và nước ngoài đối với sáng chế và giống cây trồng;

c) Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác.

2. Hồ sơ đáp ứng đầy đủ các quy định của Quỹ, được ít nhất 2/3 chuyên gia đánh giá đề nghị hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét,

quyết định hỗ trợ. Trường hợp cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ lấy thêm ý kiến của chuyên gia đánh giá độc lập trước khi quyết định.

3. Sau khi Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Cơ quan điều hành Quỹ thông báo kết quả trực tiếp cho cá nhân, tổ chức có hồ sơ được chấp nhận hỗ trợ. Quỹ không trả lại hồ sơ đăng ký đối với các trường hợp không được chấp nhận, hỗ trợ.

4. Thời gian xử lý và thông báo kết quả xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Quỹ tối đa là ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi Quỹ nhận được hồ sơ đăng ký.

5. Cơ quan điều hành Quỹ thanh toán trực tiếp đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ theo quy định hiện hành.

Điều 38. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được Quỹ hỗ trợ

a) Triển khai thực hiện các nội dung được hỗ trợ theo kế hoạch và tiến độ đã được Quỹ phê duyệt;

b) Sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ, có hiệu quả; cung cấp đầy đủ các chứng từ hợp lệ và tiến hành thanh quyết toán theo đúng các quy định hiện hành;

c) Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của nước sở tại trong thời gian ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động được Quỹ hỗ trợ;

d) Gửi báo cáo bằng văn bản tới Quỹ về tình hình, kết quả thực hiện các hoạt động, nhiệm vụ được Quỹ hỗ trợ (Mẫu 01/HT-QKHCN.BC) quy định tại Phụ lục II - Các biểu mẫu hỗ trợ ban hành kèm theo Quy định này trong thời gian một (01) tháng sau khi kết thúc nhiệm vụ và giao nộp cho Quỹ các kết quả liên quan sau khi hoàn thành;

đ) Báo cáo kết quả thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài và báo cáo của nhà khoa học trẻ tài năng được Quỹ hỗ trợ sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm khác phải thể hiện rõ đã thực hiện đúng tiến độ, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong Thuyết minh đề cương nghiên cứu và phải có xác nhận của nhà khoa học, tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài mời thực tập, nghiên cứu hoặc đơn vị chủ quản phòng thí nghiệm;

e) Ghi nhận sự hỗ trợ của Quỹ đối với các kết quả nghiên cứu được công bố (ghi rõ “Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (BRT-FOSTED)”), chịu trách nhiệm về nội dung công bố theo pháp luật về khoa học và công nghệ, xuất bản, sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật Việt Nam.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Khoản 1 Điều này và các quy định khác của Quỹ không được đăng ký đề nghị Quỹ hỗ trợ trong thời gian hai (02) năm tính từ thời điểm có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Trách nhiệm của Quỹ trong việc quản lý hoạt động tài trợ, hỗ trợ

1. Quỹ có trách nhiệm tổ chức đánh giá xét chọn, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả, nghiệm thu, thanh lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Quy định này và các văn bản có liên quan.

2. Việc quản lý, theo dõi việc sử dụng kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ, hỗ trợ và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan

Điều 40. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện theo đúng Quy định này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp thông qua Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

|U. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Minh Thông